

MỐI QUAN HỆ GIỮA NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VÀ TRIẾT HỌC

*Bùi Văn Long**
Email: longbui@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2024

Ngày phản biện đánh giá: 16/05/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/05/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.579

Tóm tắt: Bài viết chủ yếu tập trung về lý luận của nghệ thuật tạo hình, nguồn gốc và sự phát triển, đặc trưng của nghệ thuật tạo hình trong Hội họa, Điêu khắc, Kiến trúc, Điện ảnh.. qua đó khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa nghệ thuật tạo hình và triết học từ thời cận đại đến hiện đại đều hướng về mục tiêu phản ánh và tái tạo lại hiện thực xã hội hướng vào cùng một hiện tượng đều có sức thuyết phục. Những tư tưởng triết học có ý nghĩa định hướng cho nghệ thuật tạo hình, làm cơ sở và chỗ dựa tinh thần cho nghệ thuật tạo hình. Ngược lại nghệ thuật tạo hình biểu hiện bằng hình tượng để truyền tải đến người xem những tư tưởng mang tầm triết học về cuộc sống và thiên nhiên.

Từ khóa: nghệ thuật, tạo hình, triết học.

I. Đặt vấn đề

Triết học là ngành khoa học chuyên sâu vào việc lý giải bản chất của tồn tại, nhận thức và giá trị, trong khi nghệ thuật tạo hình lại thuộc lĩnh vực sáng tạo, nơi con người biểu đạt tư tưởng và cảm xúc thông qua hình ảnh và không gian. Nếu các nhà triết học triển khai luận điểm của mình bằng suy luận logic và thực nghiệm xã hội, thì người nghệ sĩ tạo hình lại sử dụng ngôn ngữ của hình tượng để truyền đạt ý tưởng và cái nhìn cá nhân về thế giới.

Nhiều triết gia lớn trong thời cận đại như Hegel và Heidegger từng nhấn mạnh

rằng, các tư tưởng về thẩm mỹ thường chỉ hình thành sau khi những tác phẩm nghệ thuật đã được sáng tạo. Tuy nhiên, từ rất sớm, những quan niệm triết học về cái đẹp đã có ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật. Chẳng hạn, Platon đề cao cái đẹp lý tưởng và vĩnh cửu, Aristote xem nghệ thuật là hình thức mô phỏng tự nhiên, Saint Augustin nhấn mạnh mối liên hệ tâm linh giữa con người và Đấng Sáng tạo, còn Descartes và Kant lại tập trung vào vai trò của chủ thể nhận thức trong quá trình cảm thụ cái đẹp.

Bước sang đầu thế kỷ XX, hội họa hiện đại đã phá vỡ nhiều chuẩn mực

* Trường Đại học Mở Hà Nội

truyền thống. Các họa sĩ như Van Gogh, Cézanne, Gauguin khám phá màu sắc và hình khối theo cách hoàn toàn mới; Picasso và Braque đưa ra quan điểm tái cấu trúc hình thể trong lập thể; còn các nghệ sĩ như Duchamp, Mondrian hay Boccioni lại nhấn mạnh yếu tố nhịp điệu và chuyển động, mở ra hướng tiếp cận thẩm mỹ khác biệt với trước đây.

Cả triết học lẫn nghệ thuật đều là những cách thức nhận thức và phản ánh hiện thực, mỗi bên theo một hướng tiếp cận riêng. Mục tiêu chung của chúng là khám phá bản chất cuộc sống – không dừng lại ở việc mô tả bề ngoài của sự vật, mà là tiếp cận chiều sâu ý nghĩa, tìm kiếm quy luật ẩn sau hiện tượng và góp phần định hình cách con người hiểu về thế giới.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết sử dụng lý thuyết Xã hội học nghệ thuật và Lý thuyết phân tâm học để nghiên cứu mối quan hệ mật thiết giữa nghệ thuật tạo hình và triết học. Qua đó thể phản ánh các vấn đề xã hội và cuộc sống.

Khái niệm về nghệ thuật tạo hình:

Nghệ thuật tạo hình là lĩnh vực sáng tạo mang tính biểu cảm thị giác, sử dụng các yếu tố tạo hình đặc trưng để xây dựng hình tượng và truyền tải cảm xúc, ý tưởng. Đây là loại hình nghệ thuật dựa vào các yếu tố như đường nét, hình khối, màu sắc, chất liệu, ánh sáng, tỷ lệ và không gian để kiến tạo nên các tác phẩm có chiều sâu thị giác. Tùy thuộc vào phương thức thể hiện, nghệ thuật tạo hình có thể chia thành hai dạng chính: Không gian hai chiều, như hội họa và đồ họa, nơi hình ảnh được bố trí trên mặt phẳng. Không gian ba chiều,

như điêu khắc, kiến trúc, sân khấu, và điện ảnh, nơi hình tượng chiếm lĩnh không gian thực, có thể cảm nhận từ nhiều góc độ. Mặc dù các ngành nghệ thuật trong hệ thống tạo hình sử dụng cùng một bộ ngôn ngữ tạo hình cơ bản, mỗi loại hình lại sở hữu phương pháp biểu đạt riêng, phù hợp với chất liệu, không gian thể hiện và mục đích sáng tạo của nghệ sĩ.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp: Gồm sách báo, tạp chí, công trình khoa học... Phương pháp này cho phép tác giả khái quát được tổng quan vấn đề nghiên cứu, những nội dung chuyên môn đã được xử lý hoặc chưa được giải quyết thấu đáo liên quan đến bài viết.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Nguồn gốc và sự phát triển của nghệ thuật tạo hình

4.1.1. Nguồn gốc

Nghệ thuật tạo hình là một trong những biểu hiện sớm nhất của tư duy sáng tạo của con người. Dấu tích của nó được tìm thấy ở các di chỉ thời tiền sử với những vật dụng và hình ảnh được chế tác như công cụ bằng đá, gốm cổ, đồ trang sức thô sơ, hình chạm khắc mô phỏng người, động vật và cây cối trên vách đá hay trong các hang động. Những biểu hiện đầu tiên này cho thấy con người thời nguyên thủy, dù sống trong điều kiện xã hội sơ khai, đã có ý thức thẩm mỹ và nhu cầu ghi lại thế giới xung quanh bằng hình ảnh.

Tại Việt Nam

Từ rất sớm, cư dân trên lãnh thổ Việt Nam đã để lại những dấu ấn đậm nét trong

lĩnh vực nghệ thuật tạo hình. Những họa tiết trang trí trên đồ gốm, hình khắc trên trống đồng cho thấy trình độ phát triển của tư duy nghệ thuật trong cộng đồng người Việt cổ. Nghệ thuật thời kỳ văn hóa Đông Sơn là minh chứng nổi bật, với các biểu tượng như chim Lạc, chiến binh, nhà sàn... phản ánh đời sống tinh thần và tín ngưỡng dân gian phong phú. Những giai đoạn phát triển tiêu biểu của mỹ thuật thời kỳ tiền sử và sơ sử bao gồm:

- Giai đoạn Phùng Nguyên (nửa đầu thiên niên kỷ II TCN)
- Giai đoạn Đồng Đậu (cuối nửa đầu thiên niên kỷ II TCN)
- Giai đoạn Gò Mun (nửa sau thiên niên kỷ II TCN)
- Giai đoạn Đông Sơn (từ thế kỷ VIII TCN đến thế kỷ II SCN)

Trên thế giới

Những hình vẽ trong các hang động như Altamira ở Tây Ban Nha hay Lascaux ở Pháp là những di sản nghệ thuật nguyên thủy tiêu biểu của nhân loại. Chúng không chỉ cho thấy khả năng tái hiện thế giới bằng hình ảnh mà còn phản ánh đời sống văn hóa, niềm tin và môi trường sống của người xưa. Bên cạnh đó, hình mẫu về vẻ đẹp lý tưởng trong nghệ thuật điêu khắc cổ đại như Tượng thần Vệ Nữ thành Milo – một tác phẩm Hy Lạp nổi tiếng được tạc từ đá cẩm thạch, cao hơn 2 mét – đã thiết lập nên tiêu chuẩn thẩm mỹ được xem là “tỷ lệ vàng” trong việc đánh giá vẻ đẹp hình thể, vẫn có ảnh hưởng đến thẩm mỹ hiện đại.

4.1.2. Sự phát triển của nghệ thuật tạo hình

Nhu cầu ghi lại và chia sẻ cảm xúc thông qua hình ảnh đã là động lực thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật tạo hình ngay từ thời cổ đại. Con người luôn khao khát thể hiện những gì mình nhìn thấy, cảm nhận và suy nghĩ về thế giới xung quanh thông qua các phương tiện tạo hình. Vào cuối thế kỷ XIX, nghệ thuật phương Tây bắt đầu đối mặt với cuộc khủng hoảng về hình thức biểu hiện. Những mô thức cũ dường như không còn đủ sức chứa những chuyển biến của thế giới hiện đại, báo hiệu một cuộc cách mạng về ngôn ngữ tạo hình. Đầu thế kỷ XX, hàng loạt phong trào tiên phong ra đời, mở ra kỷ nguyên mới cho nghệ thuật hiện đại với các trào lưu như:

- Dã thú (Fauvisme)
- Lập thể (Cubisme)
- Siêu thực (Surréalisme)
- Dada (Dadaïsme)
- Trừu tượng (Art Abstrait)

Giai đoạn từ những năm 1960 đến 1970, các biến thể mới tiếp tục xuất hiện như:

- Nghệ thuật động học (Cinétisme)
- Tối giản (Minimalisme)
- Nghệ thuật nghèo (Arte Povera)
- Đốm vết (Tachisme)
- Nguyên thô (Art Brut)

Tại Việt Nam, quá trình hội nhập và tiếp cận các trào lưu nghệ thuật quốc tế diễn ra chậm hơn. Mãi đến giữa thập niên 1990, khi đất nước đã bước vào thời kỳ đổi mới, nghệ thuật trong nước mới thực sự mở rộng cánh cửa với thế giới. Nhiều nghệ sĩ bắt đầu thử nghiệm và áp dụng

những xu hướng đương đại từ phương Tây, dù điều này từng vấp phải những ý kiến trái chiều – có người cho rằng đó là sự “lỗi thời mới mẻ”, kẻ khác lại bài bác các phong cách cổ điển, hàn lâm là lỗi thời. Tuy nhiên, cách nhìn nhận nghệ thuật không nên dựa vào yếu tố cũ – mới, mà cần xét đến giá trị nội tại: hay – dở, sâu sắc – hời hợt, có giá trị biểu cảm hay không. Nghệ thuật không tuân theo logic tiến bộ như khoa học. Những bản giao hưởng của Beethoven, những tranh vẽ của Van Gogh hay những điêu khắc Hy Lạp cổ đại không bị coi là lạc hậu chỉ vì chúng xuất hiện trước các thể loại nghệ thuật mới như video-art hay nghệ thuật sắp đặt. Quan điểm hậu hiện đại khuyến khích sự đa dạng, công nhận sự bình đẳng giữa các phong cách nghệ thuật. Tuy vậy, sự tồn tại bình đẳng không đồng nghĩa với việc mọi tác phẩm đều có giá trị như nhau – việc đánh giá vẫn cần dựa trên các tiêu chí thẩm mỹ, giá trị biểu đạt và tác động văn hóa.

4.1.3. Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong đời sống

Nghệ thuật tạo hình là một trong những hình thức biểu đạt đặc biệt của văn hóa nhân loại, thuộc hệ thống nghệ thuật thị giác – cùng với kiến trúc, sân khấu, điện ảnh và múa.

- Về mặt vật chất, nghệ thuật tạo hình góp phần làm đẹp không gian sống, nâng cao chất lượng đời sống qua các ứng dụng trong thiết kế, trang trí, kiến trúc...

- Về mặt tinh thần, nó có vai trò giáo dục thẩm mỹ, hình thành nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn và khơi dậy khả năng cảm thụ cái đẹp ở con người.

Nói cách khác, nghệ thuật tạo hình không chỉ là sản phẩm sáng tạo mà còn là cầu nối giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cảm xúc và tư duy, giữa cái đẹp và giá trị sống.

4.2. Đặc trưng của nghệ thuật tạo hình

4.2.1. Đặc trưng trong hội họa

Hội họa là một loại hình nghệ thuật mang tính chất thị giác, phản ánh thế giới xung quanh thông qua việc tổ chức hình ảnh trên mặt phẳng. Người họa sĩ sử dụng các yếu tố tạo hình như đường nét, hình dạng, màu sắc, chất liệu và ánh sáng để xây dựng không gian nghệ thuật (Đỗ, 2008). Trên bề mặt tranh, không gian ba chiều được tái hiện bằng cách vận dụng các quy luật phối cảnh nhằm tạo cảm giác chiều sâu. Do giới hạn của thị giác, những yếu tố trong thực tế như hai đường thẳng song song – vốn không bao giờ gặp nhau – lại được cảm nhận là hội tụ tại một điểm trên đường chân trời. Các họa sĩ thời kỳ Phục Hưng, với những khám phá mang tính nền tảng về phối cảnh và tương quan thị giác giữa các hình khối, sắc độ, đã góp phần tạo nên bước tiến lớn trong việc biểu đạt không gian sâu trên mặt phẳng hai chiều.

4.2.2. Đặc trưng trong kiến trúc

Kiến trúc là một hình thức nghệ thuật tạo hình có lịch sử phát triển từ rất sớm, đồng thời cũng là một ngành khoa học chuyên sâu về việc thiết kế, tổ chức và xây dựng không gian sống bằng các vật liệu hiện hữu, dựa trên kiến thức kỹ thuật, trải nghiệm thực tiễn và nhu cầu của con người. Điểm đặc biệt của kiến trúc nằm ở chỗ nó giao thoa giữa nghệ thuật và kỹ thuật – hai

lĩnh vực tưởng như tách biệt nhưng lại kết hợp hài hòa trong mỗi công trình. Một kiến trúc sư giỏi không chỉ nắm vững các nguyên tắc kỹ thuật một cách chính xác mà còn phải sở hữu khả năng sáng tạo nghệ thuật tinh tế. Họ thường được ví như những người làm toán mang tâm hồn của nghệ sĩ – những người có thể chuyển hóa nhu cầu sinh hoạt, làm việc, thư giãn của con người thành bản vẽ và thiết kế cụ thể, để từ đó hiện thực hóa thành các công trình hữu hình do bàn tay người thợ thi công.

4.2.3. Đặc trưng trong điêu khắc

Điêu khắc là một ngành nghệ thuật tạo hình độc đáo, sử dụng nhiều loại chất liệu khác nhau như đá, gỗ, kim loại, đất sét, thạch cao... nhằm tạo ra những hình khối ba chiều hiện diện trong không gian thực. Thông qua các thao tác như đục, tạc, nặn hay gò, nghệ sĩ điêu khắc mang đến những tác phẩm có tính vật chất rõ rệt, gắn liền với không gian cụ thể mà chúng chiếm lĩnh. Mặc dù có chung nền tảng ngôn ngữ tạo hình với các loại hình nghệ thuật khác như hội họa hay đồ họa – bao gồm đường nét, hình khối, màu sắc – nhưng điêu khắc tiếp cận những yếu tố này theo một cách khác biệt, nhấn mạnh vào cảm nhận không gian, sự vật chất và chiều sâu xúc giác mà tác phẩm mang lại.

4.2.4. Đặc trưng trong điện ảnh

Trong hệ thống các loại hình nghệ thuật tạo hình, điện ảnh nổi bật như một môn nghệ thuật tổng hợp, kết nối nhiều yếu tố từ sân khấu, âm nhạc, hội họa cho đến múa và nhiếp ảnh. Dù ra đời muộn hơn nhiều bộ môn khác, điện ảnh đã nhanh chóng khẳng định vị thế nhờ khả năng tác động mạnh mẽ đến cảm xúc và

tư duy của người xem. Không chỉ là công cụ giải trí, điện ảnh còn trở thành phương tiện truyền tải thông điệp xã hội, làm thay đổi quan điểm và góc nhìn của khán giả về thế giới xung quanh. Chính sức mạnh biểu đạt bằng hình ảnh, kết hợp với âm thanh, ánh sáng và nhịp điệu thị giác đã làm nên thứ ngôn ngữ riêng biệt của điện ảnh – một ngôn ngữ bắt nguồn từ nghệ thuật tạo hình và được phát triển lên thành hình thức biểu hiện sinh động, sâu sắc bậc nhất trong nghệ thuật đương đại.

4.3. *Mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình và triết học*

4.3.1. Thời cận đại

Những người nghệ sĩ thời tiền sử, dù có khả năng quan sát và tái hiện hình ảnh tự nhiên một cách sắc sảo, vẫn chưa hình thành khái niệm nghệ thuật theo nghĩa đầy đủ như chúng ta hiểu ngày nay. Khoảng cách giữa nhận thức thẩm mỹ trực quan và một tư duy nghệ thuật có hệ thống là vô cùng lớn (Đỗ & cộng sự, 2004). Con người nguyên thủy có thể đã cảm thụ vẻ đẹp từ thiên nhiên – từ đường nét của một ngọn núi, ánh sáng buổi hoàng hôn hay hình dáng của các loài động vật – nhưng ý thức được về phong cách cá nhân, đặc biệt là việc cách điệu hóa hình tượng, chỉ hình thành trong giai đoạn sau. Trong khi đó, nghệ thuật Hy Lạp cổ đại ra đời trước cả những hệ thống triết học giải thích về nghệ thuật. Quan điểm nghệ thuật thời kỳ này thường gắn liền với khái niệm “mimesis” – tức là việc mô phỏng hay phản ánh thế giới tự nhiên. Quan điểm này phản ánh một logic tự nhiên của tiến trình nhận thức: người ta chỉ có thể rút ra lý thuyết sau khi đã có những trải nghiệm thực hành. Như các triết gia thời cận đại từ

Hegel đến Heidegger đều đồng tình, các ý tưởng về nghệ thuật thường được hình thành sau khi các tác phẩm nghệ thuật đã ra đời. Tư tưởng triết học, tôn giáo và nghệ thuật luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau trong suốt tiến trình phát triển văn minh phương Tây (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014). Từ tư duy về cái đẹp tuyệt đối của Platon, quan niệm về Thượng đế và thế giới siêu nghiệm trong triết học Kitô giáo, cho đến các khái niệm của Descartes về vai trò của chủ thể hay học thuyết của Kant về tính chủ quan trong thẩm mỹ – tất cả đều ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật tạo hình. Trong số đó, học thuyết mô phỏng thiên nhiên của Aristote – được ông trình bày trong tác phẩm *Poétique* – có lẽ là quan điểm có ảnh hưởng sâu rộng và kéo dài nhất, đặc biệt trong lịch sử nghệ thuật phương Tây.

4.3.2. Thời hiện đại

Vào thời Platon, triết học được xem như đỉnh cao của mọi tri thức và nghệ thuật bị coi là cấp thấp, không đáng đề cao. Do niềm tin rằng mọi tác phẩm nghệ thuật chỉ là sự sao chép mờ nhạt từ thế giới vật chất – mà bản thân thế giới này lại chỉ là bản sao không hoàn hảo của thế giới ý niệm – Platon cho rằng nghệ thuật không có giá trị thực chất, thậm chí có thể dẫn dắt con người xa rời chân lý (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014). Mặc dù Aristote không chia sẻ quan điểm khắt khe này, ông vẫn xem việc mô phỏng tự nhiên là chức năng chính của nghệ thuật. Dù vậy, ông đã có bước tiến trong việc công nhận giá trị biểu hiện của nghệ thuật, cho rằng nó phản ánh những quy luật khách quan của thế giới. Hình thể con người, theo ông, là hình mẫu của cái đẹp nhờ vào sự cân đối và hài hòa

– điều mà các tác phẩm điêu khắc thần thoại Hy Lạp cổ như tượng thần Apollon hay thần Vệ nữ đã thể hiện một cách tiêu biểu. Trải qua các thời kỳ phát triển của nghệ thuật phương Tây – từ cổ đại Hy-La đến nghệ thuật Kitô giáo sơ kỳ, rồi đến Trung cổ với các trường phái Gôtích và Rôman, tiếp tục đến Phục Hưng, Baróc, Cổ điển, Lãng mạn, Hiện thực và Ấn tượng – quan điểm mô phỏng thiên nhiên vẫn đóng vai trò trung tâm trong tư duy nghệ thuật chính thống. Dù mỗi giai đoạn đều có sự biến đổi trong cách thể hiện, song tinh thần nền tảng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ triết học Aristote vẫn được duy trì và phát triển qua nhiều thế kỷ.

V. Kết luận

Trong hành trình sống, mỗi người đều có thể để lại dấu ấn nghệ thuật của riêng mình – một hình ảnh, một cảm xúc, hay một sáng tạo mang màu sắc cá nhân. Tuy nhiên, triết học lại thuộc về một lĩnh vực hoàn toàn khác: đó là ngành khoa học đòi hỏi tư duy hệ thống, tính lô-gic chặt chẽ và sự chính xác trong phân tích. Không phải ai cũng có thể dễ dàng tiếp cận hay lĩnh hội hết chiều sâu mà một triết gia muốn truyền tải.

Nghệ thuật – đặc biệt là nghệ thuật tạo hình – không đơn thuần là sự phản ánh thế giới hiện thực. Nó mang tính đa diện, vừa ghi nhận đời sống, vừa cô đọng và chuyển hóa hiện thực qua cảm nhận chủ quan của người nghệ sĩ. Nghệ thuật giống như một tấm gương đa chiều, phản chiếu những tầng lớp ý nghĩa ẩn sâu trong cuộc sống hàng ngày. Nhận định của nhà mỹ học và phê bình người Nga Belinsky về mối liên hệ giữa triết học và nghệ thuật tạo hình cho thấy một sự thấu hiểu sâu sắc về

cả hai lĩnh vực tưởng chừng rất khác biệt. Dù có sự khác nhau trong phương thức biểu đạt – một bên thiên về lập luận, một bên thiên về hình ảnh và cảm xúc – cả triết học và nghệ thuật đều cùng hướng tới việc lý giải thế giới, con người và những mối quan hệ tồn tại trong đời sống.

Triết học giúp nghệ thuật hình thành một cách nhìn thấu đáo, khơi mở chiều sâu tư tưởng, còn nghệ thuật tạo hình có thể biểu đạt những vấn đề thuộc về con người và xã hội bằng ngôn ngữ trực quan và đầy cảm xúc. Khi nghệ thuật chạm đến chiều sâu tư tưởng, nó không còn là sự trình bày đơn thuần, mà trở thành một hình thức của triết lý sống. Nói cách khác, mối quan hệ

giữa nghệ thuật tạo hình và triết học chính là sự gắn kết giữa tư duy và cảm xúc, giữa ý thức tư tưởng và hình thức biểu đạt mang tính nghệ thuật. Đó là hai con đường khác nhau nhưng cùng hướng tới một đích chung: khám phá và diễn giải thế giới một cách sâu sắc và toàn diện.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Giáo trình triết học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Đỗ, V. K., Đỗ, H., Nguyễn, V. H., Phạm, T. H., & Đỗ, M. T. (Eds.). (2004). *Mĩ học Mác – Lênin*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3]. Đỗ, V. K. (2008). *Nghệ thuật học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

THE RELATIONSHIP BETWEEN VISUAL ARTS AND PHILOSOPHY

Bui Van Long[†]

Abstract: *The article primarily focuses on the theory of visual arts, their origin, development, and characteristics in fields such as Painting, Sculpture, Architecture, and Cinema. It affirms the close relationship between visual arts and philosophy from the early modern period to the present, both aiming to reflect and recreate social reality, addressing common phenomena with persuasive impact. Philosophy ideas provide orientation for visual arts, serving as their intellectual and spiritual foundation. Conversely, visual arts employ imagery to convey philosophical insights about life and nature to viewers.*

Keywords: *art, visual arts, philosophy.*

[†] Hanoi Open University